

Đánh giá thực trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Huế

Nguyễn Hữu Ngữ^{1,*}, Nguyễn Thành Quốc²

¹*Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế*

²*Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*

Nhận ngày 11 tháng 2 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 2 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 31 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Bài báo đã trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa ở thành phố Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đất nghĩa trang, nghĩa địa phân bố không tập trung và nằm rải rác trên địa bàn các phường của thành phố Huế với diện tích là 696,64 ha. Có 81% hộ điều tra cho rằng kiến trúc xây dựng lăng mộ của gia đình là theo ý kiến mong muốn của mỗi gia đình. Chỉ có 16% hộ dân điều tra cho rằng, xây dựng lăng mộ có diện tích theo đúng quy định của chính quyền địa phương. Quản lý Nhà nước về đất đai mặc dù đã được chú ý ở tất cả các cấp nhưng vẫn chưa toàn diện. Việc ban hành các tài liệu pháp lý liên quan đến đất nghĩa trang, nghĩa địa vẫn còn chưa đầy đủ và thiếu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương. Quy hoạch sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa vẫn chưa có kế hoạch cụ thể cho từng khu vực, từng năm hoặc từng thời kỳ. Trên địa bàn thành phố có 449 khu nghĩa trang, nghĩa địa nhưng chỉ có 3 khu nghĩa trang phù hợp với quy hoạch. 49% ý kiến người dân được điều tra không đồng tình với việc thay đổi hình thức an táng bằng hỏa táng.

Từ khóa: nghĩa trang, quy hoạch sử dụng đất, quản lý, thành phố Huế, hỏa táng.

1. Đặt vấn đề

Đất nghĩa trang, nghĩa địa (đất NTD) đang trở thành vấn đề lớn, cần quan tâm của đô thị Việt Nam. Khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu của người dân tăng cao thì vấn đề lễ nghĩa càng được xem trọng. Chính vì thế, một bộ phận nhỏ người dân có thu nhập cao đòi hỏi đất sử dụng cho chôn cất người thân của mình cũng phải xứng tầm, dẫn đến xây dựng tự phát những ngôi mộ xa hoa, giá trị hàng tỷ đồng ở nhiều địa phương hay trong các công viên nghĩa trang

mới hoạt động. Trong khi đó, những người có thu nhập thấp, những người nghèo lại chôn thân nhân của mình tại những nghĩa địa không hợp quy hoạch vì chi phí phù hợp với túi tiền [1]. Từ đó, công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất NTD gặp nhiều khó khăn. Theo nghiên cứu của tác giả Trần Thiện Phong, cả nước có 101.064 ha đất NTD chiếm 0,3% diện tích đất toàn quốc, tăng 4.013 ha so với kỳ kiểm kê năm 2005. Riêng thành phố Hồ Chí Minh có 951 ha đất NTD, thành phố Hà Nội có 2.893 ha đất NTD [2]. Theo số liệu thống kê các loại đất tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2011, trong số 503.320,53 ha diện tích đất tự nhiên trên toàn

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-944948585.

E-mail: nguyenuu@huanu.edu.vn

tỉnh thì đã có trên 9.448,51 ha diện tích đất NTD. Trong khi đó, đất ở chỉ với diện tích là 18.235, 27 ha [3]. Như vậy, có thể nói Thừa Thiên Huế là một trong các tỉnh có tỷ lệ diện tích đất NTD thuộc loại cao nhất nước, bằng 1,87% diện tích tự nhiên và tương đương 1/2 diện tích đất ở của tỉnh. Tuy nhiên, diện tích đất NTD chính thức có quy hoạch và tổ chức quản lý theo quy định vẫn chỉ dừng ở con số hết sức khiêm tốn về số lượng lẫn quy mô. Toàn tỉnh chỉ có 4 nghĩa trang với diện tích khoảng 100 ha, bao gồm nghĩa trang phía Nam thành phố Huế, nghĩa trang phía Bắc thành phố Huế, nghĩa trang Tam Thai, và nghĩa trang Trường Đồng ở thị trấn Lăng Cô. Từ đó, xảy ra tình trạng sử dụng đất lãng phí, xây dựng lăng mộ tùy tiện, bề thế. Nhiều khu vực dân cư còn mai táng trên đồng ruộng, trong các khu rừng phòng hộ, xen kẽ trong các khu vực nhà ở, khu dân cư gây ảnh hưởng nặng nề đến cảnh quan, môi trường [4]. Không nằm ngoài tình trạng chung của tỉnh, thành phố Huế cũng đang chịu nhiều sức ép trong quá trình đô thị hóa. Việc các nghĩa địa phát triển ngày một lớn, người dân tự chôn cất, xây dựng lăng mộ đã gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường. Việc mua bán, lấn chiếm đất công để chôn cất cũng đang diễn ra công khai trên toàn địa bàn thành phố. Nhiều gia đình xây lăng mộ ở những nơi rất cao, có quy mô lớn như ở đồi Vọng Cảnh, hay trên các đỉnh núi bờ Nam sông Hương. Có người chiếm đất đắp hàng trăm ngôi “mộ gió” rồi bán cho những gia đình có nhu cầu chôn cất người chết để kiếm tiền, mà không xin phép. Điều này cho thấy, không gian Huế, môi trường Huế đang xấu đi vì mộ chí nham nhở, thiếu quy hoạch, làm xấu cảnh quan của thành phố du lịch. Các khu nghĩa trang chính thức được quy hoạch là nghĩa trang nhân dân lại đang rơi vào tình trạng quá tải, còn lại đất các khu nghĩa địa làng xã, nghĩa địa gia đình và một số khu còn mộ cổ

không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần phải giải tỏa di dời về nghĩa trang [4]. Những vấn đề trên đã và đang ẩn chứa nhiều điều nguy hại, trở thành lực cản đối với công cuộc đô thị hóa, hiện đại hóa của chính quyền và nhân dân thành phố Huế. Đây cũng là vấn đề mà các nhà khoa học và các nhà quản lý đang rất quan tâm nghiên cứu, góp phần đưa thành phố Huế phát triển nhanh về kinh tế, ổn định về xã hội và đảm bảo bền vững về môi trường. Bài báo này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá thực trạng sử dụng đất NTD trên địa bàn thành phố Huế. Qua đó, đề xuất các biện pháp quản lý và sử dụng đất NTD một cách hợp lý trên địa bàn thành phố Huế, đảm bảo đẹp về cảnh quan đô thị và phát triển bền vững về môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành thu thập các tài liệu, số liệu về tình hình quản lý và sử dụng đất NTD, tình hình biến động đất NTD tại Chi cục Quản lý đất đai, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời, tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi 100 hộ gia đình sinh sống cạnh các khu nghĩa trang, nghĩa địa, có người thân được chôn cất ở đây, và cán bộ phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Huế, cán bộ Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Huế, đại diện ban quản lý nghĩa trang thành phố Huế, cán bộ địa chính trên 6 phường gồm Thủy Xuân, Thủy Biều, An Cựu, An Tây, Hương Long, và An Hòa để thu thập thông tin về tình hình quản lý, sử dụng đất, giải tỏa, di dời mộ chí. Kết quả điều tra được tổng hợp, phân loại theo các nhóm đối tượng được điều tra. Số liệu được nhập vào phần mềm Excel để phân tích và từ kết quả này sẽ đưa ra các đánh giá và nhận

định. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã tiến hành đi thực địa để nắm rõ và chính xác thực trạng sử dụng đất NTD trên địa bàn nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng sử dụng đất NTD trên địa bàn thành phố Huế

Theo thông kê hiện trạng sử dụng đất của

Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Huế năm 2011 và kết quả tổng hợp của tác giả cho thấy, trên địa bàn thành phố Huế gồm có 27 phường với tổng diện tích đất tự nhiên là 7.168,49 ha. Trong đó, đất nghĩa trang, nghĩa địa với diện tích là 696,64 ha phân bố ở 20 phường trên địa bàn thành phố, chiếm 23,10% diện tích đất phi nông nghiệp và chiếm 9,72% diện tích đất tự nhiên [5].

Bảng 1. Hiện trạng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Huế

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng sử dụng đất NTD năm 2011		Số khu vực nghĩa trang, nghĩa địa hiện có theo điều tra thực địa
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với thành phố (%)	
	Toàn thành phố	696,64	100,0	499
1	Phường Thuận Thành	-	-	-
2	Phường Tây Lộc	-	-	-
3	Phường Thuận Lộc	0,01	0,00	-
4	Phường Thuận Hòa	-	-	-
5	Phường Hương Sơ	29,27	4,20	27
6	Phường An Hòa	47,85	6,87	51
7	Phường Hương Long	84,17	12,08	41
8	Phường Kim Long	11,46	1,65	18
9	Phường Phú Nhuận	-	-	-
10	Phường Phường Đúc	7,88	1,13	10
11	Phường Thủy Xuân	120,76	17,33	143
12	Phường Thủy Biều	64,40	9,24	74
13	Phường Phú Hậu	2,36	0,34	4
14	Phường Phú Hiệp	1,45	0,21	4
15	Phường Phú Cát	0,03	0,00	1
16	Phường Phú Bình	0,41	0,06	2
17	Phường Phú Hòa	0,01	0,00	-
18	Phường Phú Thuận	-	-	-
19	Phường An Tây	229,90	33,0	53
20	Phường Trường An	15,67	2,25	20
21	Phường Vĩ Dạ	5,91	0,85	10
22	Phường Vĩnh Ninh	-	-	-
23	Phường Phú Hội	-	-	-
24	Phường Phước Vĩnh	5,52	0,79	5
25	Phường An Cựu	66,72	9,58	13
26	Phường An Đông	0,54	0,08	1
27	Phường Xuân Phú	2,31	0,33	12

(Nguồn: Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Huế, 2011 và kết quả điều tra thực địa)

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, các phường có tỷ lệ diện tích đất TND lớn so với diện tích đất tự nhiên gồm An Tây là 229,90 ha (chiếm 33% so với diện tích đất TND của thành phố Huế) với 53 khu vực nghĩa trang, nghĩa địa và 44.209.854 ngôi lăng, mộ; Thủy Xuân là 120,76 ha (chiếm 17,33%) với 143 khu vực nghĩa trang, nghĩa địa và 87.745 ngôi lăng, mộ; An Cựu là 66,72 ha (chiếm 9,58%) với 13 khu vực nghĩa trang, nghĩa địa và 103.425 ngôi lăng, mộ; các phường An Hòa, Thủy Biều, Trường An chiếm tỷ lệ nhỏ hơn 10%. Các phường không có đất NTD gồm Thuận Thành, Tây Lộc, Thuận Hòa, Phú Thuận, Vĩnh Ninh, Phú Nhuận.

Theo thống kê của Chi cục Quản lý đất đai tỉnh Thừa Thiên Huế, trên toàn thành phố Huế có 449 khu nghĩa trang, nghĩa địa. Số liệu tổng hợp được ở các khu nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Huế có khoảng 545.836 ngôi mộ, trong đó có khoảng 132.885 ngôi mộ xây bo, 376.965 mộ đất trên 3 năm, 35.986 mộ lăng (con số thực tế có thể còn cao hơn do nhiều mộ bị mất năm, không quan sát được). Trên địa bàn thành phố Huế, có 3 khu nghĩa trang phù hợp với quy hoạch. Ngoài ra, có 64 khu nghĩa địa đang thực hiện dự án hoặc giao cho chủ đầu tư. Có 228 khu nghĩa địa chưa có dự án nhưng nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt. Có 204 khu nghĩa địa chưa giao chủ đầu tư, chưa có dự án và nằm trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết [4]. Kết quả phỏng vấn đại diện ban quản lý nghĩa trang thành phố Huế và cán bộ địa chính ở 6 phường cho thấy, hiện nay trên địa bàn thành phố Huế phân ra 4 loại hình sử dụng đất NDT:

- Loại 1: Nghĩa địa phù hợp với quy hoạch chung. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế có 3 khu nghĩa trang phù hợp với quy hoạch gồm 1 nghĩa trang liệt sỹ thành phố, 1 nghĩa trang nhân dân tại địa bàn phường An Tây do Công ty trách nhiệm hữu hạn Môi trường và công

trình đô thị quản lý và 1 nghĩa trang nhân dân tại địa bàn phường Thủy Biều với tổng diện tích là 1.058.996 m².

- Loại 2: Các khu vực nghĩa địa đã và đang thực hiện dự án hoặc đã giao cho chủ đầu tư có 64 khu với diện tích 98,38 ha do các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện giải toả và di dời theo tiến độ dự án.

- Loại 3: Các khu nghĩa địa chưa giao chủ đầu tư, chưa có dự án nhưng nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt có 228 khu với diện tích 159,52 ha. Trong đó, đất NTD nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết có chức năng đất ở diện tích 53,74 ha, đất NTD nằm trong khu vực quy hoạch chi tiết có chức năng khác như đất công trình công cộng, đất công viên cây xanh, đất giao thông có diện tích 105,78 ha được đề xuất thực hiện theo mục đích sử dụng đất đã được phê duyệt quy hoạch.

- Loại 4: Các khu nghĩa địa chưa giao cho chủ đầu tư, chưa có dự án và nằm trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết có 204 khu với diện tích 219,77 ha. Đối với các khu nghĩa địa này, cần tăng cường công tác quản lý, khoanh vùng, giữ nguyên quy mô, cấm chôn cất chờ thực hiện theo quy hoạch chi tiết sẽ phê duyệt.

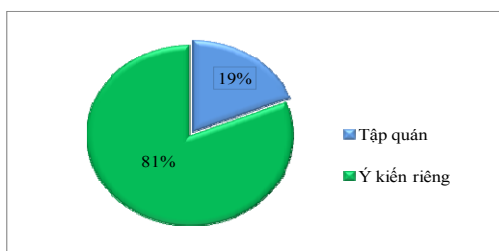
3.2. Thực trạng sử dụng đất NTD của các hộ điều tra

Để đánh giá thực trạng sử dụng đất NTD trên địa bàn thành phố Huế, tác giả đã tiến hành phỏng vấn 100 hộ dân thuộc 6 phường về các vấn đề như tình hình xây dựng kiến trúc lăng mộ, định mức diện tích lăng mộ, địa điểm chôn cất, thực trạng xen lẫn đất NTD với các loại hình sử dụng đất khác, giá đất.

a. Tình hình xây dựng kiến trúc lăng mộ

Kiến trúc xây dựng lăng mộ trên địa bàn thành phố Huế chủ yếu dựa vào phong tục lâu đời, tùy điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình

khác nhau mà kiến trúc lăng mộ được xây dựng khác nhau như mộ xây bo tròn, mộ xây theo hình con thuyền, mộ xây theo kiểu lăng tẩm của vua chúa ngày xưa. Do đó, không có quy định cụ thể nào về kiến trúc xây dựng. Tuy vậy, kết quả điều tra cũng cho thấy có một số hộ gia đình an táng người thân tại nghĩa trang Bắc, Nam thành phố Huế đã tham khảo một số mẫu do Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường và công trình đô thị Huế đưa ra.



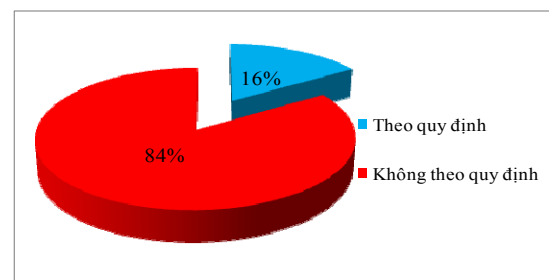
Hình 1. Xây dựng kiến trúc lăng mộ.

Kết quả ở hình 1 cho thấy, có 19% hộ dân cho rằng kiến trúc xây dựng lăng mộ là theo tập quán lâu đời của địa phương. Các kiểu mộ xây bo, xây lăng cũng như bình phong đã có sẵn từ trước đến nay, được các chủ thầu xây thiết kế sẵn. Có 81% hộ dân cho rằng kiến trúc xây dựng lăng mộ của gia đình là theo ý kiến mong muốn của cá nhân. Hầu hết là phụ thuộc vào điều kiện kinh tế gia đình để chọn địa điểm chôn cất cũng như xây dựng lăng mộ, thành quách hoặc là mộ đất không xây. Sự thiếu đồng bộ về kiến trúc như vậy đã tạo nên sự phức tạp trong quản lý và làm mất mỹ quan chung ở các khu nghĩa trang, nghĩa địa.

b. Định mức diện tích lăng, mộ

Định mức sử dụng đất NTD đã được quy định tại quyết định số 1104/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2006 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho phép đất sử dụng cho hung táng, mai táng 1 lần không quá 9 m², đất sử dụng cho cải táng là 3 m². Tuy nhiên, trên

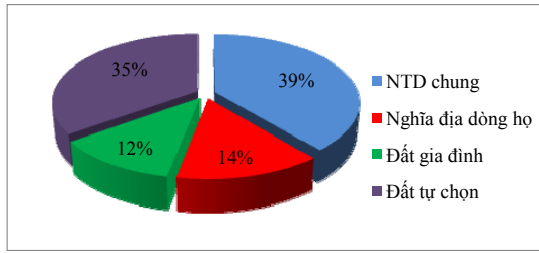
thực tế người dân vẫn chưa quan tâm đến quyết định này mà tùy theo quỹ đất hiện có trên địa bàn, theo khả năng kinh tế của gia đình mà người dân xây dựng lăng mộ gia đình mình lớn hoặc nhỏ. Số liệu ở hình 2 cho thấy, chỉ có 16% hộ dân điều tra cho rằng, xây dựng lăng mộ có diện tích theo đúng quy định. Đây là những hộ gia đình có nhân thân chôn cất tại nghĩa trang Bắc hoặc Nam của thành phố. Do đó, những gia đình này chôn cất theo quy định về quy hoạch nghĩa trang đã đề ra. Tuy nhiên, có 84% hộ dân còn lại là chôn cất tại các địa điểm tự phát, nghĩa địa dòng họ hay nghĩa địa chung mà không có quy hoạch cụ thể nên diện tích lăng mộ, xây cất một cách tự do. Kết quả phỏng vấn cán bộ địa chính các phường cho thấy, chính quyền địa phương vẫn chưa có các biện pháp can thiệp hiệu quả để quản lý việc chôn cất không theo quyết định đã ban hành ở trên.



Hình 2. Định mức diện tích xây dựng lăng mộ.

c. Địa điểm chôn cất

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trước đây do chính quyền địa phương chưa tiến hành cấm mốc quy định cấm chôn cất ở một số phường nên người dân thấy chỗ nào trống thì vẫn tiếp tục chôn cất. Số liệu điều tra ở hình 3 cho thấy, chỉ có 39% hộ dân chôn cất tại nghĩa trang, nghĩa địa chung của địa phương, 14% hộ dân chôn cất tại nghĩa địa của dòng họ, có 12% hộ dân chôn cất tại đất của gia đình, 35% hộ dân còn lại chôn cất tại các địa điểm tự chọn.



Hình 3. Ý kiến của người dân về địa điểm chôn cất.

Kết quả nghiên cứu đã tìm ra nguyên nhân dẫn đến lý do vì sao các hộ gia đình khi có người thân qua đời an táng tại nghĩa trang, nghĩa địa của địa phương chiếm tỷ lệ thấp đó là do các nghĩa trang phía Bắc và Nam thành phố Huế ở vị trí khá xa, trong khi đó điều kiện gia đình không cho phép, không đủ kinh phí. Hơn nữa, các thủ tục lại rườm rà, vì thế, muốn thuận tiện cho việc đi lại hương khói, thăm viếng nên người dân chọn các vị trí chôn cất gần nhà, thậm chí ngay cả trong đất ở. Điều này đã tạo nên hiện trạng sử dụng đất NTD phức tạp, đòi hỏi các cấp chính quyền cần phải có giải pháp phù hợp để quản lý có hiệu quả và đảm bảo vệ sinh môi trường quỹ đất NTD trên địa bàn.

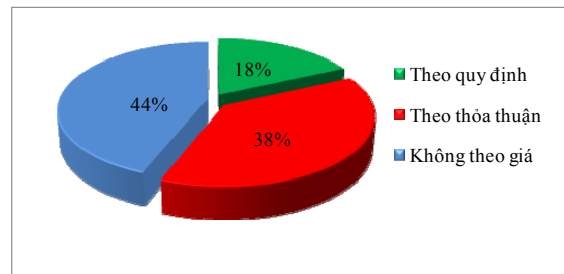
d. Thực trạng đất NTD xen lẫn các loại hình sử dụng đất khác

Kết quả điều tra cho thấy, đây là vấn đề đã xảy ra cả hàng trăm năm nay ở thành phố Huế. Các khu mộ ở một số nơi hình thành trước khi người dân đến sinh sống. Không những trên các vùng đất sản xuất nông nghiệp mà ngay cạnh bên nhà ở cũng đã tồn tại những ngôi mộ có từ lâu đời. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh 54% ý kiến người dân cho rằng, lân cận gia đình họ không có xen lẫn đất NTD hoặc các khu nghĩa địa nằm tập trung theo từng cụm, không xem lẫn các loại đất khác thì vẫn còn có 23% ý kiến cho rằng cạnh gia đình họ sinh sống, đất NTD có xen lẫn đất ở. Có 19% ý kiến cho biết đất NTD có xen lẫn đất nông nghiệp. Có 4% ý kiến nhận xét, có xen lẫn đất lâm

nghiệp. Điều này cho thấy, để thực hiện tốt việc quy hoạch di dời lăng mộ, đòi hỏi sự kiên trì, nỗ lực vận động rất lớn từ phía chính quyền đối với người dân bởi vì bên cạnh các yếu tố liên quan đến kinh tế thì yếu tố tâm linh đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với người dân nước ta nói chung và người dân miền Trung nói riêng.

e. Giá đất

Ngoài các hộ gia đình có mồ mã được chôn cất tại nghĩa trang phía Bắc và Nam thành phố Huế với giá 990 ngàn đồng/9m² tại thời gian điều tra (12/2012) thì giá cả cho việc mua một khoảnh đất để an táng không có sự thống nhất. Tùy theo từng địa điểm, theo thỏa thuận hay không mà giá cả đất cho xây dựng lăng mộ khác nhau.



Hình 4. Cơ cấu giá đất NTD.

Kết quả ở hình 4 cho thấy, có 18% ý kiến của các hộ điều tra cho rằng diện tích họ chôn cất được mua theo giá quy định do Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường và đô thị Huế đưa ra. Có 38% ý kiến hộ gia đình cho rằng, giá đất được thỏa thuận giữa người mua và bán đất, hoặc giữa người mua với các “đầu nậu” đất nghĩa địa. Có 44% ý kiến còn lại là chôn cất tại một số nghĩa trang, nghĩa địa, đất tự phát mà không phải chi phí cho việc mua đất.

3.3. Đề xuất các giải pháp sử dụng và quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa

Trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu chôn cất không ngừng tăng ở hầu hết các tỉnh. Để đáp ứng nhu cầu đó, một số thành phố đã thực hiện

việc xây dựng các nhà hỏa táng như thành phố Hồ Chí Minh (Bình Hưng Hòa), thành phố Hà Nội (Văn Điển, Mai Dịch). Trong khi đó, Thừa Thiên Huế là một trong các tỉnh có dân số khá đông, nhu cầu sử dụng đất ngày càng lớn mà quỹ đất lại có hạn. Do đó, việc xây dựng nhà hỏa táng hiện nay là rất cần thiết. Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã có dự án xây dựng nhà hỏa táng với tên “Công viên địa đàng” do Công ty trách nhiệm hữu hạn Optivest Thừa Thiên Huế đưa ra từ năm 2008 đến nay nhưng vẫn chưa được triển khai. Để nghiên cứu tính khả thi của việc xây dựng nhà hỏa táng trong tương lai, tác giả đã tiến hành điều tra thăm dò ý kiến của các cán bộ địa chính và người dân trên địa bàn 6 phường. Kết quả cho thấy, có 5/6 cán bộ của các phường được điều tra nhất trí với việc thay đổi tập tục chôn cất người qua đời bằng hình thức hỏa thiêu. Cán bộ phường còn lại cho rằng, không cần thay đổi tập tục đó bây giờ, vì quỹ đất sử dụng cho việc chôn cất vẫn còn, phong tục, tập quán đã ăn sâu trong tư tưởng của người dân nên rất khó để thay đổi. Mặc dù muốn có sự thay đổi trong việc an táng song hầu hết các ý kiến đều cho rằng, để thay đổi tập tục an táng lâu đời của người dân trong thời gian này là rất khó khăn. Do đó, trước mắt cần có các giải pháp cụ thể như di dời mồ mả đến nơi tập trung để tạo quỹ đất sạch phục vụ cho nhu cầu dân sinh và phát triển của thành phố. Kết quả nghiên cứu qua việc phỏng vấn người dân cho thấy, trên địa bàn thành phố Huế chưa có hệ thống hỏa thiêu nên khi người dân qua đời, toàn bộ đều sử dụng hình thức an táng là địa táng. Khi hỏi về việc thay đổi tập tục chôn cất bằng hỏa táng khi có người qua đời thì 33% ý kiến đồng ý với hình thức mai táng mới này bởi vì hình thức này vừa tiết kiệm kinh tế gia đình, vừa đảm bảo quỹ đất sạch. Một số hộ dân tỏ ra lo ngại về việc thiếu quỹ đất để chôn cất

trong tương lai, nên rất ủng hộ. Có 18% ý kiến cho rằng, nếu sau này tỉnh, thành phố có xây dựng nhà hỏa táng để phục vụ việc an táng thì có thể họ sẽ thay đổi tập tục chôn cất bằng hỏa táng, song điều này còn phụ thuộc vào những người trong gia đình. Có 49% ý kiến không đồng tình với việc thay đổi hình thức an táng mới này, họ cho rằng như thế là đi trái lại với lương tâm của mình, là rất có tội, họ muốn những người thân của mình khi qua đời sẽ được chôn cất thi thể nguyên vẹn. Có thể nói, do lịch sử để lại lâu đời, phong tục tập quán ảnh hưởng lớn đến lối suy nghĩ về việc an táng trong người dân nên rất khó thay đổi tập tục chôn cất của họ. Song, trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự phát triển của thông tin đại chúng và văn hóa – xã hội thì một lượng lớn người dân vẫn ủng hộ hình thức an táng mới. Nếu đưa ra các giải pháp hỗ trợ cũng như tuyên truyền, khuyến khích hợp lý thì dần dần có thể phần nào thay đổi được lối suy nghĩ của người dân trong việc an táng người qua đời.

Để việc sử dụng đất NTD hợp lý và đảm bảo sự quản lý hiệu quả của Nhà nước về đất đai, tác giả kiến nghị một số vấn đề sau đối với chính quyền địa phương:

- Cần có các quy định cụ thể, nghiêm ngặt về việc xử lý các trường hợp chôn cất trái nơi quy định. Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng, quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn các phường; đồng thời kiểm tra tiến trình, chất lượng của các dự án quy hoạch về nghĩa trang, nghĩa địa.

- Mời gọi các thành phần kinh tế khác nhau tham gia di dời và đầu tư xây dựng các nghĩa trang. Cần bổ sung các quy hoạch chi tiết, kế hoạch cụ thể về việc di dời, giải tỏa mồ mả trên địa bàn thành phố để việc di dời đảm bảo hiệu quả.

- Đối với nghĩa trang nhân dân chưa được quy hoạch xây dựng đồng bộ, Ủy ban nhân dân phường phải xác định lại ranh giới, phân khu chức năng, khu mộ, hàng mộ trong các nghĩa trang do địa phương quản lý. Triển khai thông báo công khai những khu vực đã được quy hoạch cho nhân dân được biết. Tăng cường công tác tuyên truyền về vấn đề sử dụng và quản lý đất NTD hợp lý cho người dân, đồng thời khuyến khích người dân thay đổi tập tục an táng bằng hình thức mới là hỏa táng.

4. Kết luận

Thực trạng sử dụng đất NTD trên địa bàn thành phố Huế là do lịch sử để lại lâu đời nên hiện nay đất NTD không tập trung theo từng nghĩa trang, nghĩa địa chung mà phân bố rải rác khắp ở 20 phường. Toàn thành phố có 449 khu nghĩa trang, nghĩa địa với 4 loại hình sử dụng đất NDT, tổng diện tích là 696,64 ha. Có 3 khu nghĩa trang phù hợp với quy hoạch, 64 khu nghĩa địa đang thực hiện dự án hoặc giao cho chủ đầu tư, 228 khu nghĩa địa chưa có dự án nhưng nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt, 204 khu nghĩa địa nằm trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết.

Vấn đề hạn mức đất sử dụng cho nghĩa trang, nghĩa địa vẫn chưa được quản lý chặt chẽ. Người dân vẫn chôn cất một cách tùy tiện, không theo quy định về diện tích cho từng phần mộ. Do không quản lý chặt chẽ nên một số đối tượng “đầu nậu” vẫn tiến hành tạo mộ gió, gây khó khăn trong việc xác định hiện trạng quỹ đất NTD.

Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất NTD tuy đã được chính quyền tỉnh và

thành phố bước đầu quan tâm, song vẫn chưa toàn diện. Công tác ban hành các văn bản pháp luật để quản lý đất NTD còn hạn chế, thiếu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất NTD chưa có các kế hoạch cụ thể cho từng vị trí, theo thời kỳ hay theo các năm. Hầu hết các nghĩa trang, nghĩa địa không có quy hoạch chi tiết thống nhất. Do đó, vấn đề quản lý đất NTD không đảm bảo hiệu quả.

Vấn đề xây dựng nhà hỏa táng đến nay là rất cần thiết. Song kết quả điều tra, thăm dò ý kiến người dân về việc xây dựng nhà hỏa táng trên địa bàn thành phố Huế cho thấy, người dân còn e dè khi lựa chọn phương thức đưa tiễn người thân đến tượng đài hỏa thiêu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Báo cáo số 110/BC-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về tình hình quản lý, sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, 2011.
- [2] Trần Thiện Phong. Thực trạng và giải pháp quy hoạch quản lý sử dụng đất nghĩa trang nghĩa địa ở thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí lý luận, khoa học và nghiệp vụ của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, số 22, tr.64-66, 2012.
- [3] Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2012 về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Thừa Thiên Huế, 2012.
- [4] Chi cục Quản lý Đất đai tỉnh Thừa Thiên Huế. Dự án nghiên cứu tiền khả thi về di dời giải tỏa các khu nghĩa địa không phù hợp quy hoạch, 2011.
- [5] Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Huế. Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2011 thành phố Huế, 2011.

Assessing Current Land Use for Cemetery in Huế city

Nguyễn Hữu Ngữ¹, Nguyễn Thành Quốc²

¹*Faculty of Land Resources and Agricultural Environment,
Hue College of Agriculture and Forestry, Hue University*

²*Registration office for land use right, Cam Le district, Da Nang city*

Abstract: This paper presented results on current land use for cemetery in Huế City. Results showed that land for cemetery has not been concentrated and it was distributed all 20 wards of Huế City with 696,64 ha in total. 81% of surveyed households answered that grave was built by each family's opinion. Only 16% of surveyed households answered that they obeyed the local government rule. State management on land although has been paid attention to by government levels, but it was not comprehensive. Issuing legal documents for cemetery land was shortage and lack of close control of local government. Land use planning for cemetery has not detailed plans for each position, period or year. In Huế city, there were 449 cemeteries area but it was only 3 cemeteries area that suited land use planning. 49% of surveyed households were not agreeing with change of way of incinerator.

Keywords: cemetery, land use planning, management, Huế city, incenerator.